

Bản án số: 72/2022/DS-ST
Ngày: 22-11-2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Minh Tùng;**
- Ông Bùi Văn Sang.**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tiến Lễ** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1976. (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1989. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

3. **Người làm chứng:** Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1965. (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày và yêu cầu giải quyết như sau: Ngày 08/7/2019 ông có mua của ông Nguyễn Hoàng T chiếc xe gắn máy hiệu Ecxiter, biển số 36B4-72179 với giá 20.000.000đ, đã giao đủ tiền và nhận xe sử dụng, việc mua bán có làm giấy tờ viết tay hai bên có thỏa thuận ông T cam kết xe có nguồn gốc rõ ràng, không phải xe trộm cắp. Nhưng đến ngày 30/6/2021 thì ông bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm giữ xe nói trên vì xe không rõ nguồn gốc. Do đó, ông T là người đã làm sai phạm theo thỏa thuận của hợp đồng dẫn đến xe bị tạm giữ đến nay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Nay ông yêu cầu buộc ông Nguyễn Hoàng T phải trả cho ông 20.000.000đ và tiền lãi 0,75%/1 tháng tính từ ngày 08/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không tham gia tố tụng.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông là cha ruột của ông T, việc ông T có nợ 20.000.000đ của ông H thì ông có biết. Ông có gặp ông H bàn về việc sẽ kiếm tiền trả nợ giúp cho ông T mỗi tháng 5.000.000đ nhưng đến nay ông vẫn chưa trả được do khó khăn. Hiện ông T đi làm xa không có mặt ở địa P và nợ này là nợ của ông T không liên quan gì đến ông nên ông cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do bận công việc nên ông xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.00đ nợ gốc, 2.400.000đ nợ lãi. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T H đối với bị đơn ông

Nguyễn Hoàng T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng T phải trả số tiền lãi 2.850.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần T H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trả lại số tiền 20.000.000đ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *“tranh chấp đòi lại tài sản”*. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại ấp G2, xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến giải quyết vụ án nên căn cứ các Điều 227, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 20.000.000đ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Tại giấy bán xe ngày 08/7/2019 giữa ông H và ông T là do hai bên tự nguyện ký kết, ông H đã giao đủ tiền 20.000.000đ cho ông T nhận và ông H đã nhận xe sử dụng nên việc mua bán của các bên là có sự thật. Tại giấy bán xe hai bên có thỏa thuận nội dung *“...Tôi cam kết xe trên có nguồn gốc, không phải xe ăn cắp, nếu tôi nói sai sự thật, lừa dối tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”* nhưng đến ngày 30/6/2021 chiếc xe trên đã bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm giữ xe nói trên vì xe không rõ nguồn gốc (bút lục 09 và 10). Như vậy, chiếc xe nói trên là tài sản chưa đủ điều kiện để giao dịch mua bán nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ cam kết về đối tượng của hợp đồng

mua bán được quy định tại Điều 431 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ lời khai của nguyên đơn, Giấy mua bán xe ngày 08/7/2019 giữa hai bên, quyết định tạm giữ tang vật ngày 30/6/2021, biên bản xác minh tại địa P và lời khai của người làm chứng ông P về việc biết ông T còn nợ tiền ông H đã có đủ cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản hay giao nộp các tài liệu, chứng cứ để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn cũng đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trả 20.000.000đ là có cơ sở theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 08/7/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/11/2022. Xét thấy, lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 9%/năm là không vượt quá 20%/năm nên phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày bị đơn nhận số tiền 20.000.000đ của nguyên đơn ngày 08/7/2019 là chưa có cơ sở chấp nhận. Vì ngày 08/7/2019 nguyên đơn mua xe của bị đơn về sử dụng bình thường không có thiệt hại gì xảy ra đến ngày 30/6/2021 bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B ra quyết định tạm giữ chiếc xe thì lúc đó nguyên đơn mới biết đây là xe không rõ nguồn gốc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử cần xác định lại thời gian yêu cầu tính lãi là từ ngày 30/6/2021 mới phù hợp. Cụ thể nợ lãi được tính từ ngày 30/6/2021 đến ngày 22/11/2022 như sau: Nợ gốc 20.000.000đ x 0,75%/tháng x 16 tháng (làm tròn) = 2.400.000đ. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là 5.250.000đ nhưng Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi là 2.400.000đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi 2.850.000đ.

[5] Từ những tình tiết và sự kiện đã phân tích mục [2], [3] đủ cơ sở xác định việc bị đơn sai phạm trong thỏa thuận của hợp đồng vì chiếc xe nói trên là tài sản chưa đủ điều kiện để giao dịch mua bán nên bị đơn phải trả lại số tiền cho nguyên đơn 20.000.000đ là có cơ sở. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu

bị đơn phải trả tiền lãi là 5.250.000đ của như đã nêu trên thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi là 2.400.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần T H đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng T phải trả số tiền lãi 2.850.000đ.

[5] Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Ecxiter, biển số 36B4-72179 đang bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh tạm giữ tang vật thì sẽ do cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định pháp luật. Đồng thời, các đương sự không tranh chấp cũng như không có yêu cầu giải quyết liên quan đến chiếc xe nêu trên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền yêu cầu bị đơn trả lãi 2.850.000đ không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 22.400.000đ do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Xét phát biểu của Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 280, 357, 431 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh H đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải trả cho ông Trần Thanh H 22.400.000đ (*Hai mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng*). (Trong đó, 20.000.000đ nợ gốc, 2.400.000đ nợ lãi).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật

dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh H đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trả số tiền lãi 2.850.000đ (*Hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng T phải nộp 1.120.000đ (*Một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Thanh H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 631.000đ (*Sáu trăm ba mươi một ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí. Ông Trần Thanh H được nhận số tiền còn lại là 331.000đ (*Ba trăm ba mươi một ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006371 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào